

Linh hoạt trước những biến động kinh tế vĩ mô

ThS. NGUYỄN DOãn TOÀN

Sở Tài chính Hà Nội

Năm 2008, nhằm kiềm chế lạm phát, bảo đảm bảo cân đối vĩ mô, Chính phủ đã áp dụng chính sách tài khóa thắt chặt với việc tăng thuế suất đối với một số sắc thuế; quản lý chặt chẽ chi tiêu ngân sách, ưu tiên chi đảm bảo an sinh xã hội, đình, hoãn hoặc giãn tiến độ thi công các công trình chưa thực sự cấp bách, đồng thời đẩy mạnh tiến độ các công trình thực sự cấp bách đối với nền kinh tế, thực hiện tiết kiệm và giảm chi thường xuyên. Ngân sách đã và đang trở thành công cụ đắc lực trong điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

Điều hành thu NSNN

Vào các tháng đầu năm, khi lạm phát bùng phát, ngoài việc tăng cường mọi biện pháp nhằm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, chống thất thu, Chính phủ đã liên tục ban hành các chính sách thuế, điển hình là tăng thuế suất thuế nhập khẩu đến mức trần tối đa theo cam kết gia nhập WTO đối với một số mặt hàng không khuyến khích nhập khẩu như ô tô nguyên chiếc, linh kiện và phụ tùng ô tô, vàng... nhằm hạn chế tiêu dùng, hạn chế nhập siêu. Ngược lại, thuế nhập khẩu đối với một số mặt hàng đầu vào thiết yếu như xăng dầu, thức ăn chăn nuôi đã được điều chỉnh giảm xuống 0%. Bên cạnh đó, nhằm hạn chế xuất khẩu nguyên, nhiên liệu, qua đó giảm nhu cầu trên thị trường các yếu tố đầu vào, giảm áp lực tăng chi phí đối với khu vực sản xuất trong nước, thuế xuất khẩu nguyên, nhiên liệu cũng được điều chỉnh tăng.

Việc điều chỉnh giảm thuế nhập khẩu các đầu vào thiết yếu cho nền kinh tế, điển hình là xăng dầu, thức ăn chăn nuôi, một số sản phẩm về giấy trong bối cảnh giá cả trong nước leo thang (trong đó có nguyên nhân nhập khẩu lạm phát) là thông lệ chung, nhằm giảm giá thành

hàng nhập khẩu, tăng cung trên thị trường nội địa, qua đó hạn chế đà tăng giá trong nước. Khác biệt ở đây có lẽ ở chỗ điều chỉnh tăng thuế nhập khẩu đối với các mặt hàng tiêu dùng vì việc tăng thuế này sẽ làm tăng mức giá của các hàng hóa nhập khẩu, hạn chế tổng cung hàng hóa, tạo áp lực tăng giá trong nước hơn nữa. Song vấn đề không hoàn toàn như vậy. Một trong các nguyên nhân dẫn đến lạm phát của nước ta là dòng vốn vào nhiều và việc theo đuổi một chính sách tỷ giá tương đối ổn định đòi hỏi Ngân hàng Nhà nước (NHNN) phải bơm một lượng tiền tương ứng vào lưu thông. Trung hòa lượng tiền này cho mục đích ổn định giá sẽ đối mặt với những mâu thuẫn nhất định do lãi suất tăng. Trong bối cảnh như vậy, giảm nhập khẩu sẽ hạn chế phần nào nhu cầu ngoại tệ và các áp lực bơm tiền vào nền kinh tế. Thực tế, tình trạng nhập siêu đã từng bước được hạn chế từ tháng 4. Thống kê số liệu về xuất nhập khẩu tháng 5 và 5 tháng đầu năm của Bộ Công Thương cho thấy, trong các nhóm mặt hàng nhập khẩu chủ yếu, ô tô nguyên chiếc là nhóm có mức độ giảm nhiều nhất cả về lượng và kim ngạch: trong tháng 5, số lượng và giá trị kim ngạch ô tô nhập khẩu giảm

gần 40% so với tháng 4 (giảm từ 8.898 chiếc trong tháng 4 xuống 5.500 chiếc trong tháng 5, tương đương với giá trị kim ngạch giảm từ 156 triệu USD xuống 96 triệu USD). Giá trị nhập khẩu các mặt hàng linh kiện, phụ tùng ô tô trong tháng 5 cũng giảm đáng kể so với tháng 4/2008. Tháng 6, mức nhập siêu chỉ còn dưới 1 tỷ USD (so với mức trung bình của 5 tháng trước là 2,7 tỷ USD/tháng). Các con số tương ứng cho tháng 8, 9, 10 là 258 triệu, 236 triệu và 234 triệu USD.

Ở khía cạnh khác, do triển khai quyết liệt các giải pháp thu như trên, tổng thu cân đối NSNN 6 tháng đầu năm đạt tới 195.850 tỷ đồng, tương ứng 60,6% so với dự toán, tăng 40,7% so với cùng kỳ 2007. Trong đó thu nội địa đạt 107.300 tỷ đồng, tương ứng 56,7% dự toán, tăng 37,3% so với cùng kỳ 2007; thu dầu thô đạt 42.210 tỷ đồng, bằng 64,3%/dự toán, tăng 40,8%/so với cùng kỳ 2007 và thu cân đối NSNN từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 43.740 tỷ đồng, bằng 67,8% dự toán, tăng 53,7%/so với cùng kỳ 2007. Thu ngân sách 6 tháng đầu năm đạt kết quả tốt đã có tác động không nhỏ trong việc hút bớt lượng tiền trong lưu thông về khu vực Chính phủ, tăng tầm kiểm soát giá cả và các mục tiêu kiềm chế lạm phát đất ra.

Những tháng cuối năm, khi giá cả nguyên, nhiên, vật liệu thiết yếu trên thị trường thế giới giảm mạnh, chỉ số giá tiêu dùng trong nước chững lại (tháng 7 tăng 1,13%, tháng 8 tăng 1,56%, tháng 9 tăng 0,18%), thậm chí giảm (tháng 10: -0,19%, tháng 11: -0,76%, tháng 12: -0,68%), Chính phủ đã từng bước điều chỉnh lại thuế xuất, nhập khẩu (thuế nhập khẩu hàng tiêu dùng vẫn duy trì). Ngược lại với việc điều chỉnh vào những tháng đầu năm, việc điều chỉnh thuế xuất, nhập khẩu cuối năm chủ yếu nhằm mục đích hỗ trợ khu vực sản xuất, khu vực xuất khẩu, đồng thời tạo nguồn thu cho NSNN.

Với việc duy trì thuế suất thuế nhập khẩu hàng tiêu dùng cao, tăng thuế nhập khẩu xăng, dầu và những cải thiện trong công tác quản lý thu, nên mặc dù tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2008 giảm (cả năm chỉ đạt 6,3%), thu cân đối NSNN vẫn vượt kế hoạch (Biểu đồ 1). Ước thu cân đối NSNN cả năm khoảng 399000 tỷ đồng, vượt 23,5% so với dự toán và tăng 26,3% so với thực hiện năm 2007 (mức tăng cao hơn nhiều so với mức tăng 11,6% của năm 2007). Trong đó, thu nội địa vào khoảng 205000 tỷ, tăng 8,3% so với dự toán, 17,6% so với thực hiện năm 2007; thu dầu thô đạt khoảng 98000 tỷ, vượt 49,4% so với dự toán; thu hoạt động xuất nhập khẩu đạt khoảng 91000 tỷ, vượt 41% so với dự toán.

Đáng chú ý là tăng thu của cả năm chủ yếu là từ dầu thô và hoạt động xuất nhập khẩu (tăng thu của 6 tháng đầu năm một phần là từ thu chuyển nguồn khu vực doanh nghiệp và thu chênh lệch thu - chi ngân hàng).

Mặc dù mục tiêu ưu tiên của Chính phủ trong năm là kiềm chế lạm phát, song trong bối cảnh giá cả đầu vào tăng mạnh, suy thoái kinh tế toàn cầu đã tác động tiêu cực tới tổng cầu, nên Chính phủ đồng thời thực hiện giãn thời hạn, điều chỉnh giảm thuế đối với khu vực sản xuất, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vượt qua khó khăn, duy trì phát triển sản xuất. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng tiến hành rà soát các khoản phí và lệ phí, đặc biệt là các khoản phí, lệ phí liên quan tới đời sống của nhân dân và hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bãi bỏ 98 khoản thu trái với qui định của pháp luật và điều chỉnh các khoản thu chưa hợp lý...

Điều hành chi NSNN

Cùng mục tiêu là kiềm chế lạm phát, việc quản lý, điều hành chi NSNN năm 2008 cũng được thắt chặt. Chi đầu tư là đối tượng được xem xét đầu tiên, do có những dấu hiệu cho thấy tính chưa hiệu quả trong lĩnh vực này (Đầy cũng là lĩnh vực thường được điều chỉnh trong ổn định kinh tế trên cả phương diện lý luận và thực tiễn, do chi thường xuyên gắn liền với các nhu cầu sinh hoạt thiết yếu hàng ngày, mức độ và phạm vi cắt giảm hạn chế hơn). Với Quyết định 390/QĐ-TTg ngày 17/4/2008, Chính phủ đã yêu cầu tất cả các bộ, ngành, địa phương thực hiện rà soát, sắp xếp lại các dự án sử dụng vốn NSNN, vốn trái phiếu chính phủ, vốn đầu tư của các DNNN. Tổng hợp kết quả báo cáo của 36 Bộ, ngành và 63 tỉnh, thành phố (không bao gồm các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước) cho thấy tổng số

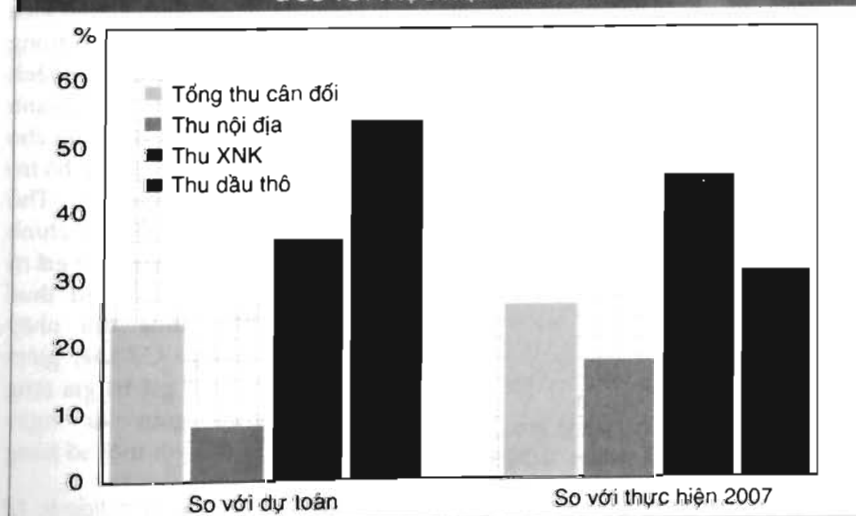
công trình, dự án sử dụng nguồn NSNN hoãn khởi công, ngưng triển khai và giảm tiến độ thực hiện trong năm 2008 là 1.968 dự án, với tổng số vốn là 5.991 tỷ đồng, tương ứng 8% kế hoạch vốn đầu tư năm 2008. Trong đó, các dự án cắt giảm, ngưng triển khai chủ yếu là các dự án không có trong qui hoạch, chưa đủ thủ tục đầu tư, dự án trụ sở cơ quan, dự án vướng mắc thủ tục, dự án vướng mắc giải phóng mặt bằng, dự án chưa cấp bách. Đối với chi thường xuyên, giải pháp cơ bản là tiết kiệm chi (theo Thông tư số 34/2008/TT-BTC ngày 23/4/2008), quản lý chặt chẽ việc mua sắm phương tiện đi lại, phương tiện làm việc, mua sắm tài sản khác có giá trị hoặc sửa chữa trụ sở làm việc... Ước tính, tổng số tiền tiết kiệm chi thường xuyên cả nước lên tới 5.400 tỷ, trên 1% tổng chi cân đối ngân sách.

Tuy nhiên, quản lý chặt chẽ chi NSNN năm 2008 không đi kèm với cắt giảm chi tiêu ngân sách, thâm chi, tốc độ tăng chi còn tăng đáng kể so với mức tăng của năm 2007 (22,3% so với 14,6%) và vượt xa so với dự toán (vượt 18,9%). Tại sao lại như vậy?

● *Thứ nhất*, nguồn vốn cố được do đình hoãn, giãn tiến độ thi công các công trình, dự án đầu tư được sử dụng cho các công trình cấp thiết, có khả năng hoàn thành, đưa vào sử dụng và phát huy hiệu quả nhanh. Do vậy, việc điều chỉnh chi đầu tư theo Quyết định 390 chưa đem trong đó các tác động tích cực tới hiệu quả đầu tư, hạn chế phần nào tình trạng dàn trải trong phân bổ nguồn lực. Có thể nói, đây là một trong những điểm mấu chốt của công tác ổn định nền kinh tế đối với các nước đang trong giai đoạn phát triển. Do nguồn lực hạn chế, trong khi nhu cầu lại rất lớn, nên các nước trong giai đoạn đang phát triển thường đối mặt với các "nút thắt cổ chai". Đến một mức độ nhất định, các "nút thắt cổ chai" không chỉ trở thành lực cản đối với sự phát triển của nền kinh tế mà còn trực tiếp gây áp lực tăng giá chung. Khi phải điều chỉnh để hạ nhiệt nền kinh tế, thì đây chính là nơi đến của các nguồn vốn trong nền kinh tế.

Hệ quả là, việc thắt chặt chi đầu tư là rất khác nhau giữa các bộ, ngành, thậm chí là giữa các vùng, miền. Trong 6 tháng đầu năm, khi áp lực tăng giá đang ở đỉnh điểm, thì việc đình, hoãn, giãn chi đầu tư chủ yếu diễn ra ở một số bộ, ngành, địa phương như Bộ Xây

BIỂU ĐỒ 1: TỐC ĐỘ TĂNG THU 2008 SO VỚI DỰ TOÁN & SO VỚI THỰC HIỆN NĂM 2007



dụng, Bộ Giao thông vận tải, Tp. Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh... Đây là những tâm điểm của cơn bão giá thời điểm đó. Ngược lại, sự tăng tốc của giá cả lương thực thực phẩm có thể do các nút thắt về cơ sở vật chất trong lĩnh vực nông nghiệp, do vậy hoạt động đầu tư cần phải được tập trung vào các khu vực này, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành, đưa vào áp dụng các công trình dự án cấp bách, nhằm cải thiện năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.

Cuối năm, do các áp lực tăng giá đã giảm và do các nhu cầu cấp bách về cơ sở hạ tầng, đặc biệt là ở các thành phố lớn, nên

chi thường xuyên được bổ sung vào nguồn thực hiện chính sách an sinh xã hội, phòng, chống, khắc phục thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ cấp bách khác nhằm khẩn trương, tích cực giải quyết kịp thời tình trạng thiếu đói, hỗ trợ sản xuất, sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số, hộ thuộc diện chính sách, khó khăn; tăng mức hỗ trợ mua bảo hiểm y tế cho người nghèo, đảm bảo cung - cầu những mặt hàng thiết yếu phục vụ nhân dân... Tỷ trọng chi đảm bảo xã hội, chi trợ giá các mặt hàng chính sách được cải thiện, trong khi tỷ trọng chi quản lý hành chính, chi khoa học công nghệ, văn hóa thông

động sản ở Mỹ đã lan rộng và gây những tác động nghiêm trọng hơn nhiều so với những dự tính ban đầu. Cho đến nay, đã có sự thừa nhận chung là kinh tế toàn cầu đang rơi vào khủng hoảng với mức độ có thể so sánh với Đại khủng hoảng kinh tế của thập niên 30 thế kỷ trước. Nhằm đối phó với tình trạng xấu đi của nền kinh tế, hầu hết các quốc gia đều đã có những động thái nhất định như cắt giảm lãi suất, áp dụng các gói kích thích kinh tế mà nội dung chính là giảm thuế, tăng chi tiêu.

Trong nước, tốc độ tăng giá đã bắt đầu chững lại từ tháng 7, tháng 8 và giảm từ tháng 10 đến hết năm 2008. Mặc dù lãi suất đã được điều chỉnh giảm, song tình hình dường như ít được cải thiện, các ngân hàng luôn trong tình trạng sẵn sàng về vốn, nhưng khu vực doanh nghiệp không có nhu cầu. Những tín hiệu về suy thoái kinh tế đã xuất hiện (chỉ số giá tiêu dùng giảm, hàng hoá sản xuất ra không tiêu thụ được, dẫn đến thất nghiệp...). Trước tình hình này, Nghị quyết 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ đã chuyển mục tiêu quản lý từ kiểm chế lạm phát sang ngăn chặn suy giảm kinh tế, thúc đẩy sản xuất - kinh doanh, đẩy mạnh xuất khẩu, kích cầu đầu tư và tiêu dùng, bảo đảm an sinh xã hội, phấn đấu tăng trưởng kinh tế năm 2009 ở mức khoảng 6,5%. Cụ thể hoá định hướng điều hành trên đây, ngày 15/1, Thường trực Chính phủ đã quyết định khoản kích cầu đầu tư 17.000 tỷ đồng trong năm 2009, chủ yếu qua các kênh cấp bù lãi suất cho doanh nghiệp, bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và chi hỗ trợ người nghèo đón Tết. Thủ tướng cũng giao Bộ Tài chính thực hiện giảm, giãn thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp. Cụ thể, giảm 50% mức thuế giá trị gia tăng trong thời gian từ ngày 1/2/2009 đối với một số hàng

...Quản lý chặt chẽ chi NSNN năm 2008 không đi kèm với cắt giảm chi tiêu ngân sách, thậm chí, tốc độ tăng chi còn tăng đáng kể so với mức tăng của năm 2007 (22,3% so với 14,6%) và vượt xa so với dự toán (vượt 18,9%).

chi đầu tư đã được điều chỉnh trở lại. Tổng chi đầu tư cả năm vượt 18,9% so với dự toán.

● *Thứ hai*, giá cả tăng mạnh đã tác động tiêu cực đến đời sống của đại bộ phận dân chúng. Chi cho vay hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn và bổ sung vốn điều lệ cho Ngân hàng Chính sách Xã hội, bù chênh lệch lãi suất ưu đãi đã tăng vọt, đạt tương ứng 320% và 204% so với thực hiện năm 2007. Nếu so với dự toán, thì các mức tăng tương đương là 166,7% và 121%. Đây chính là hai cấu thành chính quyết định mức tăng chi đầu tư của năm 2008.

● *Thứ ba*, cũng do theo đuổi mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội trong điều kiện chỉ số giá tiêu dùng tăng mạnh, nên chi lương hưu và bảo đảm xã hội, chi trợ giá mặt hàng chính sách, chi các nhiệm vụ đột xuất tăng đáng kể, tương ứng là 53,7%; 85,4% và 84,7%. Cơ cấu chi thường xuyên, do đó, cũng có những chuyển biến rõ nét khi số tiền tiết kiệm

tin, phát thanh truyền hình giảm mạnh (Biểu đồ 2).

Bên cạnh đó, chi bù lỗ kinh doanh mặt hàng dầu nhập khẩu năm 2008 cũng không nhỏ, chiếm tới 6,7% tổng chi cân đối NSNN.

Với việc điều hành hoạt động thu - chi NSNN trên đây, bội chi NSNN không được cải thiện nhiều. So với mức dự toán ban đầu là 66.900 tỷ, thì mức bội chi thực tế ước khoảng 66.200 tỷ, giảm 700 tỷ.

Nhìn chung, có thể nhận định rằng, ngân sách đã và đang trở thành công cụ đắc lực trong điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Việc điều chỉnh, mặc dù với mục đích là kiểm chế lạm phát, bảo đảm an sinh xã hội trước những biến động trước mắt về giá cả, song đã tinh tòi nhu cầu tạo dựng các nền tảng cho sự phát triển tiếp theo của đất nước.

Định hướng hoạt động NSNN năm 2009

Khủng hoảng tín dụng bất

● *Xem tiếp tr. 12*

dịch vụ công mạnh mẽ trong tất cả các ngành, các cấp từ trung ương đến địa phương, đáp ứng ngày một tốt các nhu cầu của nhân dân và đòi hỏi phát triển đất nước trong giai đoạn mới – giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng. Trong bối cảnh đó, Hải quan Việt Nam đang nỗ lực tiến hành cải cách và hiện đại hoá Ngành, đặc biệt là thay đổi về quy trình thủ tục hải quan theo hướng đơn giản hoá và hải hoà hoá theo các tiêu chuẩn và các cam kết quốc tế về hải quan nhằm đáp ứng yêu cầu vừa tạo ra thuận lợi cho thương mại hợp pháp, vừa chống gian lận và buôn lậu một cách hiệu quả, bảo vệ nguồn thu cho ngân sách. Trên quan điểm cải cách hành chính công, quy trình thủ tục hải quan có thể xem là dịch vụ công và phải đáp ứng tốt nhất yêu cầu của khu vực DN và bảo vệ hữu hiệu lợi ích của cộng đồng. Chính vì vậy, cải cách và hiện đại hoá thủ tục hải quan cũng đồng nghĩa với việc phát triển và hoàn thiện dịch vụ hải quan. Để thực hiện cải cách theo hướng này, Hải quan cần phải đưa ra các tiêu chuẩn dịch vụ hay tiêu chuẩn nghiệp vụ để định hướng, phát triển và hoàn thiện quy trình thủ tục nghiệp vụ hải quan. Vì vậy, xác định công cụ hiệu quả và những bước đi thích hợp là hết sức cần thiết giúp cho Hải quan Việt Nam thực hiện một cách hiệu quả chương trình cải cách và hiện đại hoá của mình trong bối cảnh đa phương hoá, tận dụng được cơ hội và hạn chế

những bất lợi trong quá trình cải cách hội nhập và thực hiện các cam kết quốc tế.

Ngày từ tháng 7 năm 1993, Việt Nam đã trở thành bên tham gia Công ước Kyoto năm 1973 với 3 phụ lục A1, B1, C1 nhưng đã bảo lưu một số điều khoản 19, 20, 25, 44, 51, 64 của phụ lục B1 và 10, 11, 14 của phụ lục C1. Hải quan Việt Nam sớm tìm hiểu và tiếp cận Công ước Kyoto sửa đổi và đã đưa những quy định căn bản vào luật pháp Việt Nam như Luật Hải quan, nghị định. Việt Nam đã chính thức tham gia Công ước sửa đổi ở mức độ Thân và Phụ lục tổng quát vào cuối năm 2007. Công ước sửa đổi đã có hiệu lực với Việt Nam từ năm 2008. Điều đó đã giúp cho Ngành có được cơ sở pháp lý căn bản để tiến hành cải cách và hiện đại hoá. Tuy nhiên, để thật sự áp dụng Công ước như là công cụ để cải cách và hiện đại hoá dịch vụ công trong lĩnh vực hải quan thì cần có chủ động trong nhận thức, tích cực trong hành động, không chỉ là thay đổi “câu, từ, điều khoản của Luật” cho phù hợp với Công ước. Chính vì vậy, chúng ta không thể không nghiên cứu một cách toàn diện Công ước Kyoto sửa đổi để hiểu rõ những đòi hỏi mà Công ước đặt ra cho Việt Nam trên phương diện pháp lý, cơ sở vật chất, đặc biệt xem nó là công cụ cải cách dịch vụ công về hải quan. Như vậy, để thực hiện Công ước Kyoto sửa đổi chúng ta cần có một quyết tâm trong toàn Ngành, cần có những chuyển biến căn bản về thủ tục hải quan, đặc

biệt về chất lượng dịch vụ hải quan từ cửa khẩu đến các cục hải quan địa phương và cơ quan tổng cục. Chúng ta cũng cần sự phối hợp chặt chẽ của các bộ, ngành và đặc biệt của DN để triển khai đồng bộ một đề án trong toàn Ngành về vấn đề này. Mặt khác, thực hiện các điều khoản của Công ước thực chất là thoả mãn những điều kiện để chúng ta thực hiện các cam kết với các tổ chức và định chế quốc tế và hiệp định thương mại song phương. Lợi thế của việc này không những thúc đẩy cải cách và hiện đại hoá của ngành Hải quan, mà còn góp phần thúc đẩy thương mại, thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam, tăng tính cạnh tranh và nâng cao vai trò của Việt Nam trong các diễn đàn quốc tế và khu vực.

Tóm lại, tham gia Công ước Kyoto sửa đổi là trang bị công cụ hữu hiệu cho quá trình cải cách nâng cao chất lượng dịch vụ công theo quan điểm hiện đại, đáp ứng các đòi hỏi của DN, công dân và chính phủ, thực hiện đường lối cải cách hành chính công của Đảng và Chính phủ. Điều quan trọng cần phải thay đổi nhận thức, cách tận tụy quản lý, xây dựng quyết tâm thực hiện. Bên cạnh đó, Hải quan cần có đội ngũ cán bộ công chức với tư tưởng đổi mới, hiểu biết chuyên môn nghiệp vụ, bản lĩnh vững vàng là yếu tố quyết định chất lượng dịch vụ hải quan, xây dựng ngành Hải quan chuyên nghiệp ngày càng đáp ứng đòi hỏi tăng từ cộng đồng thương mại quốc tế. ☼

• Tiếp theo tr. 8

hóa, dịch vụ của các doanh nghiệp có mức thuế thay đổi so với năm 2008 như than đá, cát, sỏi, sản phẩm cơ khí là tư liệu sản xuất; ô tô và linh kiện ô tô; sản phẩm luyện, kéo kim loại đen, kim loại màu, kim loại quý, trừ vàng nhập khẩu...

Như vậy, có thể hiểu rằng, chính sách thu – chi NSNN sẽ được nơi lòng trong năm 2009. Vấn đề là, dù theo đuổi chính sách thu – chi nơi lòng, vẫn cần duy trì các nguyên tắc quản lý, đảm bảo chi phải đem lại hiệu quả cho nền kinh tế trong các năm tiếp theo. Dự toán NSNN, do đó, sẽ có những điều chỉnh nhất định.

Về thu, do nguồn thu về dầu và thu về xuất nhập khẩu (hai đầu tàu quyết định tốc độ tăng thu cao của năm 2008) sẽ giảm, nên tổng thu cân đối NSNN giảm. Về chi, do chi an sinh xã hội trong năm 2008 đã tăng mạnh, nên mặc dù vẫn là một trong các ưu tiên trong năm 2009, nhưng mức độ tăng chi liên quan tới mục tiêu này sẽ không mạnh như năm 2008, trừ chi chênh lệch lãi suất ưu đãi. Ngược lại, chi sự nghiệp kinh tế, chi sự nghiệp môi trường là những lĩnh vực ưu tiên nhằm hỗ trợ nền kinh tế. Cũng như vậy, chi đầu tư XDCB cũng sẽ được điều chỉnh tăng so với thực hiện năm 2008. Về tổng thể, chi cân đối NSNN sẽ tăng 27,7%, trong đó chi thường xuyên tăng 17%, chi

đầu tư tăng 19% so với thực hiện năm 2008.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Hệ thống các văn bản pháp qui điều hành kinh tế của Chính phủ (Văn bản số 75/TTG-KTTH ngày 15-01-2008; Văn bản số 319/TTG-KTTH ngày 3/3/2008; Công văn số 481/TTG-KTTH ngày 31/3/2008; Nghị quyết số 10/2008/NQ-CP ngày 17/4/2008; Quyết định 390/QĐ-TTg ngày 17/4/2008; Nghị quyết số 20/2008/NQ-CP của Chính phủ ngày 29/8/2008...);
2. Các qui định điều chỉnh thuế xuất nhập khẩu năm 2008 của Bộ Tài chính;
3. Tài liệu báo cáo Hội nghị ngành Tài chính ngày 3/12/2008 của Bộ Tài chính;
4. Báo cáo NSNN 2007, tài liệu công khai trên trang Web của BTC;
5. Báo cáo tình hình KT-XH 6 tháng đầu năm 2008, www.vnep.org.vn/Modules/;
6. Báo cáo cập nhật kinh tế Việt Nam, Ngân hàng Thế giới, tháng 6/2008.